

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HC-ST
Ngày: 15-3-2024
V/v khiếu kiện quyết định hành
chính về quản lý Nhà nước trong
lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Kỳ

Bà Lê Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Xuân Vi là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2023/TLST-HC ngày 09 tháng 5 năm 2023, về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý Nhà nước trong lĩnh vực quản lý đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HC ngày 23 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1965

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu H: Bà Nguyễn Thị Tuyết X, sinh năm 1990 (Theo giấy ủy quyền ngày 21/11/2023).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

- Người bị kiện: Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Công T1 – Giám đốc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Thành L – Phó Giám đốc phụ trách Chi nhánh Văn phòng Đ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chi nhánh Văn phòng Đ

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Thành L – Phó Giám đốc phụ

trách.

2. Chi cục Thuế thành phố Phan Thiết

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Bách T2 - Chi cục Trưởng.

3. Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Nguyễn Hoàng T3 – Chủ tịch.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Nguyên L1 – Giám đốc.

Tại phiên tòa, có mặt bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Tuyết X; còn lại vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị Tuyết X là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu H trình bày:

Ngày 01/10/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 383764 cho ông Nguyễn Hữu H thửa đất số 65, tờ bản đồ số 129, diện tích 71,5m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; Nhà nước cho nợ tiền sử dụng đất với số tiền 47.905.000 đồng, thời hạn 05 năm kể từ ngày 26/6/2015.

Đến ngày 30/12/2021, Chi cục Thuế thành phố P gửi Thông báo nộp tiền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu H, số tiền sử dụng đất tăng lên là 243.100.000 đồng.

Vì không có tiền nên đến ngày 13/5/2022, vợ chồng ông H, bà T mới đến Chi cục Thuế thành phố P xin nộp thuế thì cơ quan thuế tính thêm tiền phạt, buộc vợ chồng ông H, bà T phải đóng với tổng số tiền là 250.757.650 đồng. Sau đó, vợ chồng ông H, bà T thực hiện nghĩa vụ đóng tiền sử dụng đất đầy đủ cho Nhà nước, chờ Chi nhánh Văn phòng Đ lập thủ tục xóa nợ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đến ngày 20/9/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ gửi Thông báo số 1447/TB-CNVPĐKĐĐPT về việc hoàn trả hồ sơ đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu H.

Khi nộp tiền sử dụng đất chậm thì Nhà nước buộc phải đóng tiền phạt và đóng theo giá đất mới từ số tiền 47.905.000 đồng tăng lên hơn gấp 5 lần, phải nộp 250.757.650 đồng. Nay, Chi nhánh Văn phòng Đ cho rằng đất chuyển mục đích sử dụng không phù hợp quy hoạch và hoàn trả hồ sơ, với những lý do không phải lỗi của vợ chồng ông H, bà T, mà lỗi nếu có là do cơ quan Nhà nước.

Vì vậy, ông H, bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy Văn bản số 1447/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 20/9/2022 của Chi

nhánh Văn phòng Đ.

2. Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B và Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, tiếp nhận lại hồ sơ đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất và lập thủ tục xóa nợ tiền sử dụng đất.

Người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B có ý kiến tại Văn bản số 1312/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 15/6/2023:

1. Về diễn biến hồ sơ:

Ngày 01/10/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 383764 cho ông Nguyễn Hữu H, với diện tích 71,5m², đất ở tại nông thôn, tại xã T, thành phố P. Tại điểm 6 Mục II Giấy chứng nhận số BQ 383764 có thể hiện nội dung: Nợ tiền sử dụng đất với số tiền 47.905.000 đồng.

Ngày 18/5/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ có tiếp nhận hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu H đối với khu đất được cấp Giấy chứng nhận số BQ 383764.

Qua rà soát hồ sơ hiện đang lưu trữ, Chi nhánh Văn phòng Đ xác định thửa đất của ông Nguyễn Hữu H trước đây có nguồn gốc chuyển mục đích sử dụng đất nhưng không phù hợp quy hoạch đất ở tại Bản đồ quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 theo Quyết định số 3200/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh B. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố P cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở tại nông thôn là không đúng với quy hoạch sử dụng đất.

Ngày 20/9/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ có Thông báo số 1447/TB-CNVPĐKĐĐPT về việc hoàn trả hồ sơ đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu H; lý do: Việc chuyển mục đích không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và đang chờ ý kiến xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Về ý kiến của Văn phòng Đ:

Văn phòng Đ xét thấy việc Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành Thông báo số 1447/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 20/9/2022 gửi ông Nguyễn Hữu H được biết việc sai sót trong quá trình giải quyết hồ sơ chuyển mục đích trước đây và tạm dừng giải quyết hồ sơ trả nợ tiền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu H là có cơ sở. Sau khi Ủy ban nhân dân thành phố P xử lý xong việc sai sót nêu trên thì Chi nhánh Văn phòng Đ sẽ thông báo đến ông Nguyễn Hữu H nộp lại hồ sơ và giải quyết theo quy định.

Văn phòng Đăng ký đất đai đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bổ sung Ủy ban nhân dân thành phố P là người có quyền, nghĩa vụ có liên quan trong vụ khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H, để làm rõ nguyên nhân của việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất không đúng quy hoạch sử dụng đất và hướng xử lý giải quyết sai sót nêu trên theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, nhưng Chi nhánh Văn phòng Đ không tham gia và cũng không có ý kiến gì liên quan đến vụ án.

2. Chi cục Thuế thành phố P có ý kiến tại Văn bản số 1784/CCT-KTNDP ngày 26/5/2023:

Ngày 27/9/2022, Chi cục Thuế thành phố P nhận được Đơn khiếu nại ngày 26/9/2022 của ông Nguyễn Hữu H. Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại thì không thuộc chức năng, thẩm quyền giải quyết của cơ quan thuế nên Chi cục Thuế thành phố P đã ban hành Phiếu hướng dẫn số 3336/CCT- KTNDP ngày 04/10/2022 theo quy định tại Luật Khiếu nại và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Các tài liệu, chứng cứ gửi kèm: Bản sao Văn bản số 3336/CCT-KTNDP ngày 04/10/2022 của Chi cục Thuế thành phố P, Đơn khiếu nại ngày 26/9/2022 của ông Nguyễn Hữu H, Thông báo nộp tiền sử dụng đất số LTB2171501-TK0010988/TB-CCT ngày 30/12/2021, Thông báo nộp tiền chậm nộp vào NSNN số 1595 TB-CCT ngày 13/5/2022.

Chi cục Thuế thành phố P có ý kiến và cung cấp thông tin, tài liệu để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến tại Văn bản số 7084/UBND-NC ngày 01/12/2023:

Thửa đất mà ông Nguyễn Hữu H đăng ký xóa nợ tiền sử dụng đất thuộc thửa đất số 65, tờ bản đồ số 129, diện tích 71,5 m², loại đất ở tại nông thôn, tọa lạc tại thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 383764, số vào sổ cấp GCN CS 02100 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 01/10/2015 cho ông Nguyễn Hữu H có nguồn gốc từ Giấy chứng nhận số AA 439107 do Ủy ban nhân dân thành phố P cấp ngày 30/8/2004 cho ông Nguyễn Hữu H. Sau đó, ông H đăng ký chuyển mục đích đối với phần diện tích 71,5 m² và được cấp Giấy chứng nhận mới (là Giấy chứng nhận số BQ 383764) đối với phần diện tích này.

Liên quan đến nội dung này, ngày 22/6/2015, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 400/QĐ-UBND về việc cho phép ông Nguyễn Hữu H được chuyển mục đích sử dụng đất (vị trí được thể hiện tại Bản đồ đo đạc, chỉnh lý bản trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 272B, tờ bản đồ số 11 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố P lập ngày 15/6/2015). Theo nội dung Quyết định cho phép ông Nguyễn Hữu H được chuyển sang sử dụng vào mục đích đất ở tại nông thôn.

Tại Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cho phép ông Nguyễn Hữu H được chuyển mục đích sử dụng đất thì trong phần cơ sở pháp lý căn cứ vào Kế hoạch sử dụng đất năm

2015 của thành phố P đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 14/01/2015.

Qua đối chiếu vị trí khu đất cho chuyển mục đích (vị trí được thể hiện tại Bản đồ đo đạc, chỉnh lý bản trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 272B, tờ bản đồ số 11 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố P lập ngày 15/6/2015) với Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 của thành phố P đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 136/QĐ-UBND ngày 14/01/2015 thì vị trí khu đất xin phép chuyển mục đích sử dụng đất thuộc Quy hoạch đất trồng cây lâu năm.

Căn cứ Điều 52 Luật Đất đai năm 2013 thì việc Ủy ban nhân dân thành phố P cho phép ông Nguyễn Hữu H chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở nông thôn tại Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 là không phù hợp với Kế hoạch sử dụng đất và không đúng quy định của pháp luật.

Ngày 20/9/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ có Thông báo số 1447/CNVPĐKĐĐPT về việc hoàn trả hồ sơ đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu H.

Do đó, đối với nội dung mà ông Nguyễn Hữu H yêu cầu Tòa án hủy Thông báo số 1447/CNVPĐKĐĐPT ngày 20/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ về việc hoàn trả hồ sơ đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu H và buộc Chi nhánh Văn phòng Đ tiếp nhận lại hồ sơ đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất và lập thủ tục xóa nợ tiền sử dụng đất không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố P vì Chi nhánh Văn phòng Đ là đơn vị trực thuộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh B – Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B có ý kiến tại Văn bản số 905/STNMT-VPĐKĐĐ ngày 29/02/2024:

Trên cơ sở báo cáo của Văn phòng Đ, Sở Tài nguyên và Môi trường xét thấy đối với vụ khiếu kiện này, Văn phòng Đ đã có Văn bản số 1312/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 15/6/2023 có ý kiến và cung cấp toàn bộ hồ sơ, tài liệu cho Tòa án. Sở Tài nguyên và Môi trường thống nhất với ý kiến tại Văn bản số 1312/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 15/6/2023 của Văn phòng Đ và không có hồ sơ, tài liệu nào cung cấp ngoài hồ sơ, tài liệu mà Văn phòng Đ đã cung cấp.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật Tố tụng hành chính; Tuyên hủy Thông báo số 1447/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 20/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ; Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B, Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật và buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B chịu án

phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Hữu H vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền; vắng mặt người đại diện hợp pháp của người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng Đ (đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện), Ủy ban nhân dân thành phố P, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B và Chi cục Thuế thành phố P, nhưng tất cả đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng này như đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa theo quy định tại Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 01/10/2015, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BQ 383764 cho ông Nguyễn Hữu H thửa đất số 65, tờ bản đồ số 129, diện tích 71,5m², mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn; Nhà nước cho nợ tiền sử dụng đất với số tiền 47.905.000 đồng, thời hạn 05 năm kể từ ngày 26/6/2015.

Đến ngày 30/12/2021, Chi cục Thuế thành phố P gửi Thông báo số LTB2171501-TK0010988/TB-CCT về việc nộp tiền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu H, số tiền sử dụng đất phải nộp là 243.100.000 đồng.

Ngày 13/5/2022, vợ chồng ông H, bà T đến Chi cục Thuế thành phố P xin nộp thuế thì cơ quan thuế tính thêm tiền phạt, thông báo vợ chồng ông H, bà T phải đóng với tổng số tiền là 250.757.650 đồng. Sau khi thực hiện nghĩa vụ đóng tiền sử dụng đất cho Nhà nước, vào ngày 18/5/2022, vợ chồng ông H, bà T nộp hồ sơ để cập nhật biến động trả nợ tiền sử dụng đất.

Đến ngày 20/9/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ ra Thông báo số 1447/TB-CNVPĐKĐĐPT về việc hoàn trả hồ sơ đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu H.

Xét thấy Thông báo số 1447/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 20/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ là quyết định hành chính, nên ngày 29/3/2023, vợ chồng ông H, bà T nộp đơn khởi kiện yêu cầu hủy Thông báo số 1447/TB-CNVPĐKĐĐPT này và Tòa án thụ lý giải quyết theo thủ tục tố tụng hành chính là đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 30 Luật Tố tụng hành chính; và việc khởi kiện là còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung quyết định hành chính bị khiếu kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo Thông báo số 1447/TB-CNVPĐKĐĐPT ngày 20/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ về việc hoàn trả hồ sơ đăng ký trả nợ tiền sử dụng đất của

ông Nguyễn Hữu H, với lý do: Việc chuyển mục đích không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và đang chờ ý kiến xử lý của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Tuy nhiên, Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 22/6/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc cho phép ông Nguyễn Hữu H được chuyển mục đích sử dụng 71,5m² đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn, đến nay không có bất kỳ văn bản nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kết luận việc cho chuyển mục đích sử dụng đất theo Quyết định này là không đúng quy định của pháp luật và hủy bỏ Quyết định này. Mặt khác, việc trả lại hồ sơ đăng ký biến động của Chi nhánh Văn phòng Đ tại Văn bản số 1447/TB-CNVPĐKĐDPT ngày 20/9/2022, nhưng Chi nhánh Văn phòng Đ không viện dẫn được căn cứ pháp lý nào.

Theo quy định tại điểm c và d khoản 5 Điều 1 Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019 thì sau khi hoàn thành việc thanh toán nợ tiền sử dụng đất thì hộ gia đình, cá nhân nộp hồ sơ gồm Giấy chứng nhận (bản gốc), chứng từ nộp tiền sử dụng đất (bản gốc) tại Văn phòng đăng ký đất đai để xóa nợ tiền sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận. Văn phòng đăng ký đất đai có trách nhiệm rà soát, đối chiếu hồ sơ để thực hiện xóa nợ tiền sử dụng đất ghi trên Giấy chứng nhận và trả lại Giấy chứng nhận cho hộ gia đình, cá nhân ngay trong ngày làm việc.

Do đó, ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 1447/TB-CNVPĐKĐDPT ngày 20/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ là hoàn toàn có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của người khởi kiện được chấp nhận nên người bị kiện Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; điểm c và d khoản 5 Điều 1 Nghị định số 79/2019/NĐ-CP ngày 26/10/2019; Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị T:

- Hủy Văn bản số 1447/TB-CNVPĐKĐDPT ngày 20/9/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ;

- Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B, Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

2.1. Buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh B phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

2.2 Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hữu H, bà Nguyễn Thị T 600.000đồng (*Sáu trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm theo Biên lai thu số 0015307 ngày 14/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa và đương sự vắng mặt tại phiên toà nhưng có người đại diện hợp pháp, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/3/2024); đương sự vắng mặt tại phiên tòa và không có người đại diện hợp pháp, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Luật Tổ tụng hành chính.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B.Thuận;
- Cục THADS tỉnh B.Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, THC;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thái